



Số: 0905.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý EaNa, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A09.05.25 - Mã số mẫu: B0905.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,32                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,88                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định ) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

**TRƯỞNG PHÒNG KCS**

**PHAN HỮU ĐỨC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN CÔNG ĐỊNH**



Số: 2105.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm bơm Cupul, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A21.05.25 - Mã số mẫu: B2105.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu               | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                 | -    | TCVN 6492:2011    | 6,47                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)             | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)            | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị (NA)           | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*) | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,56                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Định



Số: 6405.25/P.KCS

Ngày: 21/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm bơm Đạt Lý, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A64.05.25 - Mã số mẫu: B6405.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 17/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 17/05/2025 đến 20/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 21/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,21                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,69                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

DAKWACO-QT.11/BM09

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đình

BH: 20/02/2020

Trang 62/65



Số: 1705.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm bơm Hòa Thắng, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A17.05.25 - Mã số mẫu: B1705.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,93                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,58                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định ) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

DAKWACO-QT.11/BM09

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Định

BH: 20/02/2020

Trang 17/65



Số: 1605.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 339 Tôn Đức Thắng, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A16.05.25 - Mã số mẫu: B1605.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,64                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,52                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định ) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đình



Số: 1505.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 71 Nguyễn Văn Cừ, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A15.05.25 - Mã số mẫu: B1505.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,51                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,63                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định ) : Phù hợp <input checked="" type="checkbox"/> Không phù hợp <input type="checkbox"/></p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CÔNG ĐỊNH



Số: 1405.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại bể chứa DAKWACO, Công Ty TNHH cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A14.05.25 - Mã số mẫu: B1405.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm | Mức quy định(**)       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|--------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,06               | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3              | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị l | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,59               | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.<br/>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.<br/>- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp <input checked="" type="checkbox"/> Không phù hợp <input type="checkbox"/></p> |                         |      |                   |                    |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định



Số: 1305.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 35 Nguyễn Công Trứ, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A13.05.25 - Mã số mẫu: B1305.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,17                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,50                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Đình



Số: 1205.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 52 Lê Duẩn, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A12.05.25 - Mã số mẫu: B1205.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,25                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,44                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định



Số: 1105.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 113 Võ Văn Kiệt, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A11.05.25 - Mã số mẫu: B1105.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,25                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,41                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

**TRƯỞNG PHÒNG KCS**

**PHAN HỮU ĐỨC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Công Đình*



Số: 6105.25/P.KCS

Ngày: 21/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước CưMgar
- Số ký hiệu lấy mẫu: A61.05.25 - Mã số mẫu: B6105.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 17/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 17/05/2025 đến 20/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 21/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,87                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,81                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định



Số: 6005.25/P.KCS

Ngày: 21/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm y tế tỉnh lộ 8 xã Quảng Tiến, Chi nhánh Cấp nước CưMgar
- Số ký hiệu lấy mẫu: A60.05.25 - Mã số mẫu: B6005.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 17/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 17/05/2025 đến 20/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 21/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,84                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,44                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

DAKWACO-QT.11/BM09

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định

BH: 20/02/2020



Số: 5905.25/P.KCS

Ngày: 21/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 03 Y Ngông, Chi nhánh Cấp nước CưMgar
- Số ký hiệu lấy mẫu: A59.05.25 - Mã số mẫu: B5905.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 17/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 17/05/2025 đến 20/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 21/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,87                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,50                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Đình



Số: 3605.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Buôn Hồ
- Số ký hiệu lấy mẫu: A36.05.25 - Mã số mẫu: B3605.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm : 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,59                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,40                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) :  
Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Công Định*



Số: 3805.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại TDP 3, Pong Drang, Chi nhánh Cấp nước Buôn Hồ
- Số ký hiệu lấy mẫu: A38.05.25 - Mã số mẫu: B3805.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,40                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,82                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) : <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định



Số: 3705.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 01/5 Tôn Thất Thuyết, Chi nhánh Cấp nước Buôn Hồ
- Số ký hiệu lấy mẫu: A37.05.25 - Mã số mẫu: B3705.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu               | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                 | -    | TCVN 6492:2011    | 6,55                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)             | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)            | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị (NA)           | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*) | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,33                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                        |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Công Đình*



Số: 3205.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Krông Năng
- Số ký hiệu lấy mẫu: A32.05.25 - Mã số mẫu: B3205.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,65                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,60                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đình



Số: 3505.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 60 Hùng Vương, Chi nhánh Cấp nước Krông Năng
- Số ký hiệu lấy mẫu: A35.05.25 - Mã số mẫu: B3505.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu               | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                 | -    | TCVN 6492:2011    | 6,63                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)             | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)            | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị (NA)           | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*) | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,59                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp <input checked="" type="checkbox"/> Không phù hợp <input type="checkbox"/></p> |                        |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ TÔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Đình



Số: 3405.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 137 Hùng Vương, Chi nhánh Cấp nước Krông Năng
- Số ký hiệu lấy mẫu: A34.05.25 - Mã số mẫu: B3405.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,63                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,60                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

**TRƯỞNG PHÒNG KCS**

**PHAN HỮU ĐỨC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN CÔNG ĐỊNH**



Số: 2805.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Ea Kar
- Số ký hiệu lấy mẫu: A28.05.25 - Mã số mẫu: B2805.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,54                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,90                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CÔNG DÌNH



Số: 3105.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 08 Trần Hưng Đạo, Chi nhánh Cấp nước Ea Kar
- Số ký hiệu lấy mẫu: A31.05.25 - Mã số mẫu: B3105.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,63                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,76                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Đình



Số: 3005.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại hẻm 11 Lý Thường Kiệt, Chi nhánh Cấp nước Ea Kar
- Số ký hiệu lấy mẫu: A30.05.25 - Mã số mẫu: B3005.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,73                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,82                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Đình



Số: 2405.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Krông Pắc
- Số ký hiệu lấy mẫu: A24.05.25 - Mã số mẫu: B2405.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,64                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,42                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

**TRƯỞNG PHÒNG KCS**

  
**PHAN HỮU ĐỨC**

DAKWACO-QT.11/BM09



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**Nguyễn Công Định**

Trang 24/65

PH: 20/02/2020



Số: 2705.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại Thôn Tân Tiến xã Hòa An, Chi nhánh Cấp nước Krông Pắc
- Số ký hiệu lấy mẫu: A27.05.25 - Mã số mẫu: B2705.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 6,61                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,53                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Công Định*



Số: 2605.25/P.KCS

Ngày: 20/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 15 Trần Hưng Đạo, Chi nhánh Cấp nước Krông Pắc
- Số ký hiệu lấy mẫu: A26.05.25 - Mã số mẫu: B2605.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 16/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 16/05/2025 đến 19/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 20/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu               | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                 | -    | TCVN 6492:2011    | 6,59                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)             | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)            | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị (NA)           | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*) | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,40                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                        |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

DAKWACO-QT.11/BM09

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Định

BH: 20/02/2020

Trang 26/65



Số: 0105.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại bể chứa trạm xử lý, Chi nhánh Cấp nước Easoup
- Số ký hiệu lấy mẫu: A01.05.25 - Mã số mẫu: B0105.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,85                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,57                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Đình



Số: 0405.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 33 Phạm Ngọc Thạch, Chi nhánh Cấp nước Easoup
- Số ký hiệu lấy mẫu: A04.05.25 - Mã số mẫu: B0405.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,21                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,40                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

  
PHAN HỮU ĐỨC

DAKWACO-QT.11/BM09

TỔNG GIÁM ĐỐC



  
NGUYỄN CÔNG ĐÌNH

Trang 4/65

BH: 20/02/2020



Số: 0305.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 46 Điện Biên Phủ, Chi nhánh Cấp nước Easoup
- Số ký hiệu lấy mẫu: A03.05.25 - Mã số mẫu: B0305.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm : 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,61                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,46                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả ( Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Định



Số: 0505.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại bể chứa trạm xử lý, Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Số ký hiệu lấy mẫu: A05.05.25 - Mã số mẫu: B0505.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,22                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | 0,37                | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,80                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.</p> <p>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): <input checked="" type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp</p> |                         |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỌ TÊN TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định



Số: 0805.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 107 thôn Ea Duất, Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Số ký hiệu lấy mẫu: A08.05.25 - Mã số mẫu: B0805.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Chỉ tiêu                | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----|-------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | pH (*)                  | -    | TCVN 6492:2011    | 7,18                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2   | Độ đục (*)              | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3   | Màu sắc (*)             | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4   | Mùi, vị <sup>(NA)</sup> | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5   | Hàm lượng Clo tự do(*)  | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,70                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |

- (\*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.  
- (\*\*): Thông số nhóm A – QCDP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.  
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Định



Số: 0705.25/P.KCS

Ngày: 19/05/2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại thôn Ea Duất, Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Số ký hiệu lấy mẫu: A07.05.25 - Mã số mẫu: B0705.25
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 15/05/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 15/05/2025 đến 18/05/2025.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 19/05/2025
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Chỉ tiêu               | Đvt  | Phương pháp thử   | Kết quả thử nghiệm  | Mức quy định(**)       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|-------------------|---------------------|------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | pH (*)                 | -    | TCVN 6492:2011    | 7,15                | Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Độ đục (*)             | NTU  | TCVN 12402-1:2020 | < 0,3               | ≤ 2                    |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Màu sắc (*)            | TCU  | TCVN 6185:2015    | < 3                 | ≤ 15                   |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mùi, vị (NA)           | -    | Cảm quan          | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ    |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hàm lượng Clo tự do(*) | mg/L | TCVN 6225-2:2021  | 0,76                | Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0 |
| <p>- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.<br/>- (**): Thông số nhóm A – QCĐP1:2024/ĐL- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.<br/>- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp <input checked="" type="checkbox"/> Không phù hợp <input type="checkbox"/></p> |                        |      |                   |                     |                        |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Công Định